

Số: ~~1675~~/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày ~~24~~ tháng 10 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của liên Bộ: Y tế - Nông nghiệp và PTNT - Công thương về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quyết định số 3408/QĐ-BNN-QLCL ngày 20 tháng 12 năm 2010 phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/4/2015 về việc phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành ATTP nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;


Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 Quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nam tại Tờ trình số 230/TTr- SNN&PTNT ngày 11 tháng 10 năm 2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành theo Quyết định này “Quy định phân công, phân cấp cơ quan kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Y tế, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
  - Cục QLCI, Nông, lâm sản và Thủy sản;
  - Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối;
  - Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Như Điều 3;
  - VPUB: NN, NC;
  - Lưu: VT.
- C-NN/2016



**Nguyễn Xuân Đông**

**QUY ĐỊNH**

**Cơ quan kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Hà Nam.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1678~~ **1675** QĐ-UBND ngày ~~24~~ **24** tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định việc phân công, phân cấp phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là tất UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp (VTNN), an toàn thực phẩm (ATTP) nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.
2. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn và sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

**1. Vật tư nông nghiệp:** Bao gồm giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, máy móc, nguyên vật liệu, thiết bị sử dụng trong sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**2. Sản phẩm nông lâm thủy sản:** Bao gồm các sản phẩm có nguồn gốc động vật, các sản phẩm có nguồn gốc thực vật và muối.

**3. An toàn thực phẩm:** Là việc đảm bảo để thực phẩm không gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.

**4. Cơ sở sản xuất vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản:** Nơi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

**5. Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản:** Nơi thực hiện các hoạt động buôn bán vật tư nông nghiệp; sản phẩm nông lâm thủy sản.

#### **Điều 4. Nguyên tắc phối hợp**

1. Việc phân công, phân cấp nhằm nâng cao trách nhiệm và tăng cường phối hợp giữa Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đảm bảo sự thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm tất cả các cơ sở đều phải chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước.

3. Hoạt động kiểm tra, thanh tra chuyên ngành phải đảm bảo không chồng chéo giữa các cơ quan trong Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giữa cấp tỉnh và cấp huyện. Trường hợp có sự trùng lặp về kế hoạch kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch kiểm tra, thanh tra chuyên ngành của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên.

b) Kế hoạch kiểm tra, thanh tra chuyên ngành của cơ quan cùng cấp trùng nhau trên địa bàn, cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập đoàn liên cơ quan.

#### **Điều 5. Quy định chung**

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn nêu trong quy định này là các cơ sở được quy định tại khoản 2 Điều 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 3 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nêu trong quy định này bao gồm các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ nêu trong quy định này là cơ sở được quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **Chương II NỘI DUNG PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP**

**Điều 6. Phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn.**



1. Cấp tỉnh: Cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn được cấp tỉnh, cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra. Cơ quan đầu mối tham mưu, tổng hợp là Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản Hà Nam.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư.

*(Chi tiết kèm theo tại Phụ lục 1)*

**Điều 7: Phân công, phân cấp trong hoạt động quản lý, kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản và muối đủ điều kiện an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý sản xuất ban đầu nhỏ lẻ:**

1. Cấp tỉnh: Cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản được cấp tỉnh, cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư (áp dụng cho cả cơ sở có sản phẩm xuất khẩu trong trường hợp có yêu cầu của nước nhập khẩu về giấy chứng nhận an toàn thực phẩm), do các Chi cục chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý. Cơ quan đầu mối tham mưu, tổng hợp là Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản Hà Nam.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư và quản lý các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

*(Chi tiết kèm theo tại Phụ lục 2)*

**Điều 8. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền kiểm tra, quản lý từ 02 cơ quan trở lên thì cử một cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện**

*(Chi tiết kèm theo tại Phụ lục 3)*

### **Chương III**

## **KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP, NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN VÀ SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN; CHỨNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**Điều 9: Kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sạch nông thôn và sản phẩm nông lâm thủy sản**

Cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy định này có trách nhiệm quản lý, kiểm tra các cơ sở theo quy định tại Mục 1 Chương II Thông

tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 10. Chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm là cơ quan quản lý, kiểm tra quy định tại Điều 7 Quy định này, theo nguyên tắc cơ quan nào quản lý, kiểm tra thì cơ quan đó cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 11. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.**

Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm là cơ quan nêu tại Điều 7 Quy định này, theo nguyên tắc cơ quan nào quản lý, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì cơ quan đó cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, quy trình xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, quản lý Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của liên Bộ: Y tế - Nông nghiệp và PTNT - Công thương về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC  
VỀ CHẤT LƯỢNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP, AN TOÀN THỰC PHẨM  
NÔNG LÂM THỦY SẢN**

**Điều 12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các văn bản quản lý, cơ chế chính sách về VTNN, ATTP nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng VTNN và đảm bảo ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý VTNN, ATTP nông lâm thủy sản; tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh VTNN, sản phẩm nông lâm thủy sản và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về chất lượng VTNN, ATTP nông lâm thủy sản theo quy định.

5. Thống kê, kiểm tra, đánh giá, phân loại về điều kiện đảm bảo chất lượng, ATTP của cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và sản phẩm nông lâm thủy sản; hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện chứng nhận chất lượng, ATTP (đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật; cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản theo phân cấp).

6. Xây dựng và thực hiện các chương trình giám sát ATTP, đánh giá nguy cơ, truy xuất nguyên nhân và xử lý thực phẩm mất an toàn theo quy định pháp luật.

7. Công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý các cơ sở vi phạm về chất lượng VTNN, ATTP nông lâm thủy sản trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Tiếp nhận và thông báo tiếp nhận công bố hợp quy của các cơ sở sản xuất VTNN thuộc phạm vi quản lý; quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo về chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật.

9. Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất công tác quản lý VTNN, ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

### **Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Phân công nhiệm vụ tham mưu, xây dựng kế hoạch, tổng hợp kết quả thực hiện cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về VTNN, ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn theo quy định.

2. Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về VTNN, ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc địa bàn quản lý để tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thực hiện quy định này đến mọi người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN, sản phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo chất lượng, ATTP trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

4. Tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất công tác quản lý nhà nước về VTNN, ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Bố trí kinh phí thực hiện công tác quản lý VTNN và ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn quản lý.

### **Điều 14. Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp huyện, cấp tỉnh, thực hiện quản lý các cơ sở cơ sở sản xuất nhỏ lẻ ban đầu, các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản chưa có giấy chứng nhận đăng ký



kinh doanh. Triển khai ký cam kết với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ ban đầu, kiểm tra việc thực hiện sản xuất, kinh doanh bảo đảm an toàn thực phẩm.

2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về VTNN, ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn theo quy định.

3. Phối hợp với các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật về VTNN, ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn.

4. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về việc đảm bảo chất lượng VTNN, ATTP sản phẩm nông lâm thủy sản tới mọi người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN, sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn.

5. Thông báo công khai các cơ sở đủ điều kiện, cơ sở không đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh VTNN, sản phẩm nông lâm thủy sản theo đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh VTNN, ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện và của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### **Điều 15. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất kinh doanh VTNN, ATTP nông lâm thủy sản**

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về VTNN, ATTP nông lâm thủy sản.

2. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu, quyết định hợp pháp của các cơ quan thanh tra, kiểm tra nhà nước về VTNN, ATTP nông lâm thủy sản theo quy định.

#### **Điều 16. Các sở, ngành có liên quan**

Các sở, ngành: Y tế, Công thương, Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã triển khai, đồng bộ các giải pháp tuyên truyền, giáo dục, quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

### **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Y tế, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng trực thuộc triển khai thực hiện tốt Quy định này.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các nội dung của Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về



chất lượng vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Đối với các hồ sơ của tổ chức, cá nhân đang thực hiện trước khi Quyết định này ban hành thì giải quyết, hoàn tất hồ sơ theo quy định trước đó. Những quy định trước đây trái với Quy định này, nay bãi bỏ.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung chưa phù hợp hoặc phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



Nguyễn Xuân Đông



**PHÂN CÔNG TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG VẬT TƯ  
NÔNG NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP  
VÀ PTNT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1618/QĐ - UBND ngày 29/10/2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Loại hình cơ sở	Phân công, phân cấp		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản	Phòng Thủy sản	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	UBND xã/phường/thị trấn.
2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản			
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	UBND xã/phường/thị trấn.
4	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong thú y, thú y thủy sản			
5	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	UBND xã/phường/ thị trấn.
6	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bằng phương pháp vô tính	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	UBND xã/phường/thị trấn.
7	Cơ sở sản xuất, kinh doanh hạt giống cây trồng nông nghiệp			
8	Cơ sở sản xuất, kinh			

	doanh phân bón hữu cơ và phân bón khác			
9	Cơ sở sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật			
10	Cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật			
11	Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	UBND xã/phường/thị trấn.



PHÂN CÔNG TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN CƠ SỞ SẢN  
XUẤT, KINH DOANH NÔNG SẢN THUỶ SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP;  
QUẢN LÝ SẢN XUẤT BAN ĐẠO NÔNG NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ  
CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1675**/QĐ - UBND ngày **24**/10/2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### 1. Chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc thực vật

TT	Công đoạn	Phân công, phân cấp		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Trồng trọt (gắn liền với hoạt động sơ chế)	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	UBND xã/phường/thị trấn.
2	Sơ chế, chế biến độc lập; chế biến gắn liền với hoạt động trồng trọt, sơ chế.	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản.		
3	Lưu thông, tiêu thụ (Chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, kinh doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).	Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản.	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	

**2. Chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc động vật (trừ sản phẩm thủy sản)**

TT	Công đoạn	Phân công, phân cấp		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chăn nuôi	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	UBND xã/phường/thị trấn.
2	Giết mổ gắn liền với sơ chế			
3	Lưu thông, tiêu thụ (Chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở			



	chuyên doanh, kinh doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).	sản.	tế thành phố	
4	Chế biến độc lập (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối,...), chế biến gắn liền với hoạt động giết mổ, sơ chế.	Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản.	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	

### 3. Chuỗi thực phẩm thủy sản

TT	Công đoạn	Phân công, phân cấp		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Nuôi trồng (gắn liền với hoạt động sơ chế)	Phòng Thủy sản.	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	UBND xã/phường/thị trấn.
2	Sơ chế, chế biến sản phẩm thủy sản	Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản.		
3	Lưu thông tiêu thụ (Chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, kinh doanh, phương tiện vận chuyển độc lập)	Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản.		

### 4. Muối ăn

TT	Công đoạn	Phân công, phân cấp		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Sơ chế, chế biến, bao gói, kinh doanh, tiêu thụ trong nước.	Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản.	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	UBND xã/phường/thị trấn.

5. Sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản), cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT.



TT	Công đoạn	Phân công, phân cấp		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn liền với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản, lưu thông, tiêu thụ, xuất nhập khẩu; nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.	Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản.	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố	UBND xã/phường/thị trấn.

**PHỤ LỤC 3:**

**PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA ĐỐI VỚI CÁC  
CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP, KIỂM TRA,  
CHỨNG NHẬN ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH THỰC PHẨM  
NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐA NGÀNH, ĐA LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI  
QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1675~~ **1675** QĐ - UBND ngày ~~29~~ **29**/10/2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

<b>TT</b>	<b>Cơ sở</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan hỗ trợ, phối hợp</b>
1	Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực trong đó có sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản	Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản	- Các đơn vị trực thuộc Sở NN&PTNT có liên quan - UBND cấp huyện - UBND cấp xã
2	Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực trong đó có sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y (không có sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản)	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	- Các đơn vị trực thuộc Sở NN&PTNT có liên quan - UBND cấp huyện - UBND cấp xã
3	Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực trong đó có sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (không có sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản và Chi cục Chăn nuôi và Thú y)	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	- Các đơn vị trực thuộc Sở NN&PTNT có liên quan - UBND cấp huyện - UBND cấp xã
4	Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực trong đó có sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng Thủy sản (không có sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và Thú y và Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)	Phòng Thủy sản	- Các đơn vị trực thuộc Sở NN&PTNT có liên quan - UBND cấp huyện - UBND cấp xã